

Phạm Vũ Thăng Long
Giám Đốc Cấp Cao, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

Vĩ mô đầu tuần: Xung đột Trung Đông; CPI tháng 2 của Mỹ

- Địa chính trị tiếp tục thu hút sự chú ý trong tuần này, trong đó cuộc xung đột tại Trung Đông đã gây gián đoạn tuyến vận chuyển năng lượng, từ đó làm tăng giá dầu khí và gia tăng rủi ro lạm phát toàn cầu. Thị trường sẽ theo dõi các tín hiệu hạ nhiệt xung đột.
- Tại Mỹ, CPI tháng 2/2026 được dự báo tăng 2,5% so với cùng kỳ (tăng 0,2% so với tháng trước), trong đó CPI cơ bản ở mức 2,5%, trong khi chỉ số PCE tháng 1 ước tính tăng 0,3% so với tháng trước (cơ bản 0,4%) và ước tính GDP Q4/2025 lần hai nhiều khả năng sẽ xác nhận mức tăng 1,4%.
- Tại Việt Nam, Chính phủ ban hành Nghị quyết 36/NQ-CP vào thứ sáu, cho phép Bộ Công Thương điều chỉnh giá xăng dầu khi giá cơ sở của nhiên liệu phổ thông tăng từ 7% so với đợt điều chỉnh trước đó. Theo đó, giá xăng RON95-III tăng lên 27.047đ/l (tăng 37,7% so với cùng kỳ), mức cao nhất kể từ tháng 6/2022.

Các số liệu kinh tế quan trọng trên toàn cầu

Tình hình địa chính trị tiếp tục là động lực chính của thị trường trong tuần này khi xung đột tại khu vực Trung Đông gây gián đoạn các tuyến vận chuyển năng lượng và đẩy giá dầu khí tăng cao, làm gia tăng rủi ro lạm phát toàn cầu. Thị trường sẽ theo dõi chặt chẽ các dấu hiệu hạ nhiệt và khả năng mở lại hoạt động vận chuyển qua eo biển Hormuz. Các báo cáo triển vọng năng lượng từ IEA & OPEC sẽ cung cấp những đánh giá sơ bộ về cú sốc cung năng lượng vận chuyển bằng đường biển.

Mỹ

CPI tháng 2 tại Mỹ ước tính tăng nhẹ lên 2,5% so với cùng kỳ (từ 2,4%), tương đương tăng 0,2% so với tháng trước, trong khi CPI cơ bản ổn định ở mức 2,5% so với cùng kỳ. Chỉ số PCE tháng 1 ước tính tăng 0,3% so với tháng trước, trong khi PCE cơ bản nhiều khả năng sẽ duy trì ở mức 0,4% so với tháng trước. Ước tính lần hai GDP Q4/2025 được kỳ vọng sẽ xác nhận tăng trưởng hàng năm chậm lại ở mức 1,4%.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 9/3.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Các số liệu kinh tế vĩ mô quan trọng

Các số liệu kinh tế vĩ mô chính công bố trong tuần của Mỹ, EU và châu Á

Ngày	Sự kiện	Trước	Thực tế	Dự báo
6-3-26	Việt Nam: KNXK (T2-26, y/y %)	29.7	5.7	1.8
	Việt Nam: KNNK (T2-26, y/y %)	49.2	4.4	-3.5
	Việt Nam: Cán cân thương mại (T2-26, USD)	-1.8 tỷ	-1.0 tỷ	0.3 tỷ
	Việt Nam: CPI (T2-26, y/y %)	2.53	3.35	3.10
	Việt Nam: Doanh số bán lẻ (T2-26, y/y %)	9.3	8.5	11.2
	Việt Nam: Giá trị sản xuất công nghiệp (T2-26, y/y %)	21.5	0.96	1.5
9-3-26	Mỹ: Số lượng việc làm phi nông nghiệp (T2-26)	126,000	-92,000	59,000
	Mỹ: Tỷ lệ thất nghiệp (T2-26, %)	4.3	4.4	4.3
	Mỹ: Thu nhập bình quân theo giờ (T2-26, m/m %)	0.4	0.4	0.3
	Mỹ: Doanh số bán lẻ (T1-26, m/m %)	0.0	-0.2	-0.3
10-3-26	Trung Quốc: Tỷ lệ lạm phát (T2-26, y/y %)	0.2		0.8
	Trung Quốc: PPI (T2-26, y/y %)	-1.4		-1.1
	Nhật Bản: Chi tiêu hộ gia đình (T1-26, m/m %)	-2.9		0.8
11-3-26	Nhật Bản: GDP (4Q25, q/q %, chính thức)	-0.7		0.3
	Trung Quốc: Cán cân thương mại (T1- T2-26, USD)	114.1 tỷ		182 tỷ
	Trung Quốc: KNXK (T1- T2-26, y/y %)	6.6		
13-3-26	Trung Quốc: KNNK (T1- T2-26, y/y %)	5.7		
	Mỹ: Tỷ lệ lạm phát cơ bản (T2-26, m/m %)	0.3		0.2
	Mỹ: Tỷ lệ lạm phát (T2-26, m/m %)	0.2		0.2
13-3-26	Mỹ: Tỷ lệ lạm phát (T2-26, y/y %)	2.4		2.5
	Mỹ: PCE lõi (T1-26, m/m %)	0.4		0.4

Nguồn: Investing.com, tradingeconomics.com, HSC

Trung Quốc và châu Á

Thị trường sẽ hướng tới các tín hiệu chính sách của Trung Quốc từ Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc, trong đó Bắc Kinh đặt mục tiêu tăng trưởng năm 2026 ở mức 4,5-5%. CPI tháng 2 ước tính tăng lên 0,8% so với cùng kỳ (từ 0,2%), trong khi chỉ số PPI được dự báo giảm 1,1% so với cùng kỳ. Thặng dư thương mại tháng 1-2/2026 ước tính sẽ tăng lên khoảng 182 tỷ USD. Tại Nhật Bản, GDP Q4/2025 được dự báo sẽ điều chỉnh tăng lên 0,3% so với quý trước (từ 0,1%) và chi tiêu hộ gia đình tháng 1 có thể phục hồi 0,8% so với tháng trước.

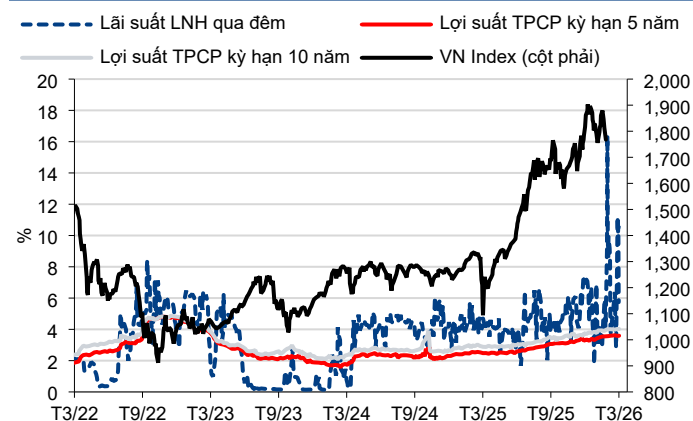
Việt Nam

Cập nhật hàng tuần xu hướng thị trường chứng khoán và biến động tỷ giá

HSC cập nhật xu hướng thị trường chứng khoán và biến động tỷ giá trong Biểu đồ 2 và 3. Tuần trước, chỉ số VNIndex giảm 6% xuống 1.767,84 điểm, kết thúc 2 tuần tăng điểm liên tiếp, trong khi tỷ giá USD/VND (niêm yết tại VCB) tăng 0,496% lên 26.154, tuần mất giá thứ 4 liên tiếp trong bối cảnh lãi suất cho vay qua đêm LNH vượt 10% trước khi hạ nhiệt xuống dưới 6% tại thời điểm kết thúc tuần.

Biểu đồ 2: Lãi suất & diễn biến TT chứng khoán hàng tuần

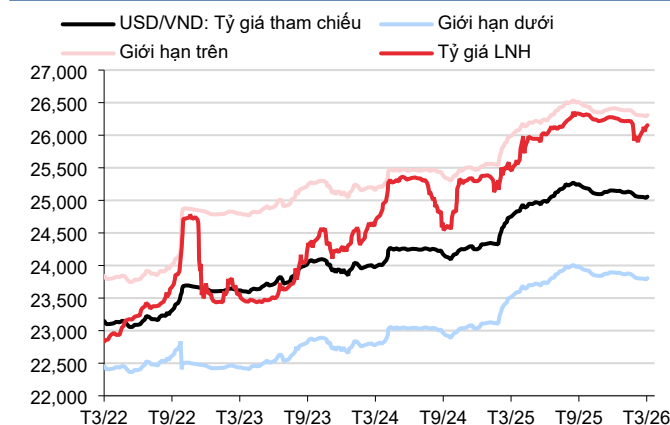
Chỉ số VN Index giảm 6% so với tuần trước và đóng cửa tại 1.767,84 điểm



Nguồn: CEIC, HSC

Biểu đồ 3: Biến động tỷ giá USD/VND hàng tuần

Tỷ giá USD/VND (niêm yết tại VCB) tăng 0,496% lên 26.154



Nguồn: CEIC, HSC

Bảng 4: Dữ liệu kinh tế vĩ mô thực tế & dự báo của HSC

	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025E	2026F	2027F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm)	23,155	23,085	22,765	23,555	24,265	25,480	26,300	27,000	27,500
Tỷ giá (VND: CNY)	3,317	3,535	3,579	3,415	3,418	3,491	3,761	3,885	3,929
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	7.36	2.87	2.55	8.54	4.98	7.04	8.02	7.60	8.00
GDP (tỷ USD)	332	346	370	411	433	476	514	546	584
GDP bình quân đầu người (USD)	3,398	3,558	3,757	4,132	4,317	4,702	5,026	5,293	5,610
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	3.67	4.35	-2.20	-0.26	6.51	5.48	3.70	3.30	3.42
Nợ công/GDP (%)	42.8	43.8	44.7	37.4	36.9	37.0	36.8	37.2	38.5
Nợ Chính phủ/GDP (%)	37.4	38.5	39.6	34.7	33.3	33.0	33.2	34.0	35.6
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.09	2.71	2.55	3.08	2.85	3.47	3.60	4.23	5.02
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	106	115	124	125	133	136	145	149	154
FDI giải ngân / FDI (%)	6.1	5.8	5.3	5.4	5.4	5.3	5.4	5.4	5.3
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.15	2.37	3.56	2.32	2.26	2.22	2.22	2.60	2.50
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	2.8	3.2	1.8	3.1	3.3	3.6	3.3	3.9	4.0
CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ)	5.2	0.2	1.8	4.5	3.6	2.9	3.5	4.1	4.3
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	6.00	4.00	4.00	6.00	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	1.4	0.2	0.7	4.4	0.5	4.0	1.8	4.0	4.0
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	13.6	12.2	13.6	14.2	13.8	15.1	19.0	15.0	15.0
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	10,574	12,111	13,402	14,227	15,999	17,915	20,781	23,586	26,770
Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ)	14.8	14.5	10.7	6.2	12.5	12.0	16.0	13.5	13.5
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	79	95	107	85	90	81	83	85	90
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	6.8	5.6	5.5	7.4	4.8	4.6	5.2	5.5	5.8
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	5.0	4.0	4.0	6.0	4.75	4.75	4.75	4.75	4.75
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	2.4	1.2	1.0	4.6	1.9	2.4	3.3	3.5	3.6
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	3.2	2.0	2.9	4.8	2.2	2.8	3.8	4.2	4.3
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cán cân thương mại (tỷ USD)	10.9	19.9	3.3	12.1	28.4	24.9	20.0	19.4	23.9
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	12.2	15.1	-8.1	-1.1	28.2	26.1	19.0	18.0	20.0
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	253	263	333	360	326	381	455	495	544
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	6.7	3.7	26.7	8.0	-9.2	16.7	19.4	8.7	10.0
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	264	283	336	372	355	406	475	514	568
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	8.0	6.9	18.9	10.6	-4.6	14.4	17.0	8.2	10.5
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	123	129	140	149	142	155	169	179	184
Nợ nước ngoài/GDP (%)	36.9	37.3	37.7	36.2	32.7	32.6	32.8	32.8	32.8
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	20.4	20.0	19.7	22.4	23.2	25.4	27.6	29.2	31.1
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	38.0	28.5	31.2	27.7	39.4	38.2	38.4	40.4	44.5
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	50.8	51.7	52.5	46.4	48.9	49.8	53.8	50.0	51.0
Chỉ số sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	6.2	9.5	8.7	0.2	5.8	8.8	10.1	7.0	7.5
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	7.0	13.1	10.9	0.6	7.6	10.2	10.9	7.5	8.5
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo hàng năm (%)	10.5	4.9	6.0	8.0	3.6	9.8	10.5	7.0	9.5
Doanh số bán lẻ danh nghĩa hàng năm (%)	11.3	-0.9	-9.1	19.8	9.4	9.0	9.2	11.0	12.0

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

$$\text{Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm } t_0 = [(1 + \text{lạm phát y/y tại thời điểm } t-11) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát y/y tại thời điểm } t_0)]^{1/12} - 1$$

 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
 Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP.HCM
 T: (+84 28) 3823 3299
 F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
 T: (+84 24) 3933 4693
 F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn